

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 312/2025/DS-PT
Ngày: 12/6/2025
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,
ranh giới quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Được - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 12 năm 2024, ngày 12 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 465/2024/TLPT-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, ranh giới quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 44/2024/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 682/2024/QĐ-PT ngày 03/12/2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 489/2024/QĐ-PT ngày 24/12/2024 và Thông báo về thời gian mở lại phiên tòa xét xử phúc thẩm số 233/TB-TA ngày 22/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 06/3/1950;

Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1948;
2. Bà Mai Thị S, sinh năm 1952;
3. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1976;
4. Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 25/2/1984;
5. Nguyễn Quốc C, sinh ngày 01/3/2003;
6. Nguyễn Thị Kỳ D, sinh ngày 30/9/2007;
7. Trần Kiến H, sinh ngày 29/4/2002;
8. Bà Chung Thị H1, sinh ngày 13/3/1953;
9. Chị Nguyễn Thị Tuyết P1, sinh ngày 08/01/1985;

Cùng nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chung Thị H1, chị Nguyễn Thị Tuyết P1 là ông Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 06/3/1950;

Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp theo các giấy ủy quyền ngày 20 tháng 10 năm 2022.

Có mặt tại phiên tòa: Nguyễn Thanh P, ông Nguyễn Hoàng A, các đương sự còn lại vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- ***Tại Đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 5 năm 2020 và phần trình bày của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh P trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm:*** Nguyên trước đây cha anh là ông Nguyễn Văn B có cho anh phần đất thuộc các thửa 373, 374, tờ bản đồ số 17 và mẹ anh là bà Mai Thị S cho anh phần đất thuộc các thửa 272, 278 tờ bản đồ số 17 tất cả tọa lạc tại xã L, huyện H. Các thửa đất này hiện do anh đứng tên quyền sử dụng. Nay anh làm hàng rào để trồng cây ăn trái nhưng ông Nguyễn Hoàng A không đồng ý cấm trụ ranh và chặt các tán cây che qua phần đất của anh.

Nay anh yêu cầu ông Nguyễn Hoàng A trả lại phần diện tích đối với thửa 272, 278 tính từ mốc M10 đến mốc M14 tổng diện tích là 19,9m², tại phiên tòa anh P rút lại một phần yêu cầu xác định phần ông Hoàng A lấn được tính từ mốc M10 đến vị trí chính giữa mốc M13 và M14, tương đương 0,3m như phần diện

tích trong giấy chứng nhận.

Đối với thửa 373, 374 tính từ mốc M7 đến mốc M2, gồm giáp đường là 0,3m, giáp ruộng nước 0,3m, dài 121,2m tổng diện tích 33,2m², tại phiên tòa anh P rút lại một phần yêu cầu xác định phần Hoàng A lần được tính từ mốc M6 đến mốc M2 tương đương 0,3m phía mốc M2.

- **Bị ông Nguyễn Hoàng A trình bày:** Nguyên trước đây ông nội có một thửa đất tọa lạc tại ấp L, xã L, ông nội ông cò bạc rượu chè nợ nần nên cầm thửa đất trên cho ông Sáu T 100đ (Một trăm đồng) tiền Đ. Vì không có tiền chuộc nên ông T tuyên bố là quá hạn chuộc nên phần đất bị đứt.

Cha ông là Nguyễn Văn G và chú ông Nguyễn Văn P2 (Ông nội của Nguyễn Thanh P) năn nỉ ông T xin chuộc lại với sự đồng ý của tộc họ nên ông T cho chuộc lại với giá là 110đ (Một trăm mười đồng chẵn). Cha ông 50đ (Năm chục đồng), chú ông 60đ (Sáu chục đồng). Đất để chú ông làm vì cha ông có riêng phần đất khác. Thời chế độ cũ, chú ông kêu cha ông chuyển cho chú ông đứng tên, nếu không chú ông kêu cảnh sát bắt gia đình vì gia đình ông đang chứa “việt cộng”. Mẹ ông không chịu, chú ông mỗi lần đi nhậu về là chửi mẹ ông. Ông Ba L1 động viên gia đình ông làm thủ tục chuyển tên cho chú ông là ông: Nguyễn Văn P2 đứng tên để cho cơ sở được yên, cha ông mới ủy quyền cho ông dẫn chú ông đến Ty điền địa tỉnh Kiên Phong làm thủ tục cho chú ông đứng tên, lúc bấy giờ Phó Trưởng T1 là ông Nguyễn Tấn D1 ký tên đóng trước bạ chuyển cho chú ông đứng tên. Đất có chiều ngang cặp mặt lộ là 16m, dài gần 400m, ngang trong đồng 15m, có trụ đá đóng ngoài đầy đủ, trụ đá ranh có từ thời Pháp thuộc. Phần từ đường ra sông là đất lan bồi ở trong cặp lộ bao nhiêu thì ngoài lộ cũng bấy nhiêu và tiếp tục như vậy ra đầy bờ sông. Đất này từ trước nay là như vậy, phần đất lan bồi hiện có ở trụ đá ranh còn đầy đủ.

Phần đất cha ông để lại cho ông làm hai thửa, thửa 2087, tờ bản đồ số 2, từ đường vô đồng có ngang cặp lộ 25m, dài 135m, ngang trong đồng 17m, tổng diện tích 2.835m², ông đăng ký ngày 25 tháng 02 năm 1992, được cấp quyền sử dụng đất số: 779/A1 ngày 08 tháng 02 năm 1993; thửa 2187, tờ bản đồ số 2, đất bồi phía ngoài sông cặp lộ ngang là 25m, dài khoảng 80m, ông khai 30m đất ao diện tích là 750m² đất này cũng đăng ký ngày 25 tháng 02 năm 1992 và cấp GCN. QSD đất ngày 08 tháng 02 năm 1993, phần còn lại từ đó ra sông ông cho em ruột ông tên Nguyễn Thị Thanh X không nhớ năm, cấp đất ông là Nguyễn Thanh P trong đường lằn ngoài đường có trụ đá ranh từ thời pháp thuộc tới nay vẫn còn, P cất nhà và kho đựng ranh đất đi bên ông, nay ông không đồng ý trả diện tích đất lấn chiếm như yêu cầu của tên P.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 44/2024/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024

của Toà án nhân dân huyện Hồng Ngự đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh P.

Buộc đơn ông Nguyễn Hoàng A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chung Thị H1, chị Nguyễn Thị Tuyết P1 trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Thanh P diện tích đất 9,9m² (trong đó 5,4m² thuộc thửa 278; 4,5m² thuộc thửa 272), theo phạm vi các mốc M10 - M13 - M16 và diện tích đất 17,9m² (trong đó 1,5m² thuộc thửa 374; 15,7m² thuộc thửa 373; 0,7m² thuộc nương nước), theo phạm vi các mốc M6 - M3 - M2; cùng tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa các thửa 373, 374 tờ bản đồ số 17 với thửa đất số 245, tờ bản đồ số 17 (tương ứng với thửa 2087, tờ bản đồ số 2) là đoạn thẳng theo các mốc M6 đến M2; đất tọa lạc xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa các thửa 272, 278 tờ bản đồ số 17 với thửa đất số 265, tờ bản đồ số 17 (tương ứng với thửa 2178, tờ bản đồ số 2) là đoạn thẳng theo các mốc M10 đến M16; đất tọa lạc xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian đến lòng đất. Tài sản, vật kiến trúc của bên nào lấn chiếm ranh đất thì phải di dời theo quy định của pháp luật.

Kèm Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, Sơ đồ đo đạc hiện trạng tranh chấp số TĐ: 3-2021 ngày 04 tháng 5 năm 2021 và sơ đồ xác định diện tích thửa đất ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H.

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, đăng ký diện tích đất đối với phần đất được giao sử dụng theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí sơ thẩm:

4.1. Bị đơn ông Nguyễn Hoàng A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chung Thị H1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Tuyết P1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.3. Trả lại cho nguyên đơn anh Nguyễn Thanh P tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo lai thu tiền số 0003039 ngày 04

tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

4.4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B, bà Mai Thị S, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Quốc C, Nguyễn Thị Kỳ D, Trần Kiến H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ sơ đồ đất tranh chấp: Buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chung Thị H1, chị Nguyễn Thị Tuyết P1 có nghĩa vụ liên đới trả lại cho nguyên đơn anh Nguyễn Thanh P tổng cộng 4.848.000 đồng (bốn triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

6. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/8/2024, ông Nguyễn Hoàng A1 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm

Ông Nguyễn Hoàng A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông Nguyễn Thanh P không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng A; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 44/2024/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Từ khi thụ lý giải quyết vụ việc đến khi nghị án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự xét xử phúc thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng A; sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 44/2024/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và lời phát biểu của kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Hoàng A là bị đơn kháng cáo trong hạn luật định và hợp pháp. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng với Điều 273, 293 Bộ luật tố dân sự năm 2015.

[2]. Ông Nguyễn Hoàng A yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh P. Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguồn gốc đất tranh chấp các đương sự thừa nhận do ông bà để lại. Đối với các thửa đất 272, 278 tờ bản đồ số 17, khi hộ bà Mai Thị S làm thủ tục cấp đổi giấy vào năm 2017, thì đã có đo đạc, xác định mốc giới thửa đất, tứ cận có ông Nguyễn Hoàng A và ông Ngô Văn B1 ký xác nhận, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 272 phần giáp lộ Long Khánh A có chiều ngang là 16m và phần giáp thửa 278 có chiều ngang là 16m là phù hợp. Ông Hoàng A xác định ranh là từ M10 đến M13 trên đoạn thẳng này có 3 trụ đá đã có sẵn là phù hợp với hiện trạng đất hai bên đã sử dụng ổn định. Còn ông P cho rằng ranh đất là M10 đến M16 nhưng anh P không có chứng cứ chứng minh nên yêu cầu của ông P là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Đối với thửa 373, 374 tờ bản đồ số 17 thì anh P đồng ý lấy mốc M6 (tại thửa 374) làm ranh giới quyền sử dụng đất, cho nên chiều ngang giáp lộ L của ông Nguyễn Hoàng A là 25m, chiều ngang giáp lộ Long Khánh A của anh Nguyễn Thanh P là 16m và theo Công văn số 521/CNVPĐKĐĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H xác định phần diện tích từ mốc M2 đến mốc M6 thuộc các thửa 373, 374. Do đó, Tòa án cấp sơ

thẩm buộc ông Nguyễn Hoàng A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chung Thị H1, chị Nguyễn Thị Tuyết P1 trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Thanh P diện tích đất 17,9m² (trong đó 1,5m² thuộc thửa 374; 15,7m² thuộc thửa 373; 0,7m² thuộc nương nước), theo phạm vi các mốc M6 - M3 - M2; cùng tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp là phù hợp. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Hoàng A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chung Thị H1, chị Nguyễn Thị Tuyết P1 trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Thanh P diện tích 0,7m² thuộc nương nước là không đúng vì nương nước là đất công cộng của Nhà N. Do đó ông Nguyễn Hoàng A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chung Thị H1, chị Nguyễn Thị Tuyết P1 trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Thanh P diện tích đất 17,2m².

Từ những nhận định trên xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng A là có căn cứ một phần nên chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng A.

[3]. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bản án dân sự sơ thẩm số 44/2024/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xử có căn cứ một phần nên sửa một phần bản án như đã nhận định trên. Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên sửa án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định, đo đạc theo quy định.

[4]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng A; sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 44/2024/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên chấp nhận như nhận định nêu trên.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng A được chấp nhận một phần nên ông Hoàng A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm số 44/2024/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T2 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng A.

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 44/2024/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh P.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh P đối với yêu cầu ông Nguyễn Hoàng A, bà Chung Thị H1, chị Nguyễn Thị Tuyết P1 trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Thanh P 9,9m² (19/9m²/2) nằm trong các mốc M10, M13, M16 và xác định ranh giới thửa 272, 278 với thửa 265 cùng tờ bản đồ số 17 (tương ứng với thửa 2178 tờ bản đồ số 2) là đoạn thẳng từ M10 đến M16.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh P đối với yêu cầu ông Nguyễn Hoàng A, bà Chung Thị H1, chị Nguyễn Thị Tuyết P1 trả cho ông Nguyễn Thanh P 17,2m² (17,9m² – 0,7m² nương nước). Trong đó 1,5m² thuộc thửa 374; 15,7m² thuộc thửa 373 trong phạm vi các mốc M6, M3, M2 kể cả diện tích 0,7m² nương nước cùng tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại xã L, huyện H và xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa các thửa 373, 374 với thửa 245 (tương ứng với thửa 2078, tờ bản đồ số 2) là đoạn thẳng từ M6 đến M2.

Buộc ông Nguyễn Hoàng A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chung Thị H1, chị Nguyễn Thị Tuyết P1 trả cho ông Nguyễn Thanh P diện tích đất 17,2m² (trong đó 1,5m² thuộc thửa 374; 15,7m² thuộc thửa 373), trong phạm vi các mốc M6, M3, M2 kể cả diện tích 0,7m² nương nước, cùng tờ bản đồ số 17, (tương ứng với thửa 2078, tờ bản đồ số 2) đất tọa lạc xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2.2 Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa các thửa 373, 374 tờ bản đồ số 17 với thửa đất số 245, tờ bản đồ số 17 (tương ứng với thửa 2087, tờ bản đồ số 2) là đoạn thẳng theo các mốc M6 đến M2; đất tọa lạc xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa các thửa 272, 278 tờ bản đồ số 17 với thửa đất số 265, tờ bản đồ số 17 (tương ứng với thửa 2178, tờ bản đồ số 2) là đoạn thẳng theo các mốc M10 đến M13; đất tọa lạc xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ

không gian đến lòng đất. Tài sản, vật kiến trúc của bên nào lấn chiếm ranh đất thì phải di dời theo quy định của pháp luật.

Kèm Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, Sơ đồ đo đạc hiện trạng tranh chấp số TĐ: 3-2021 ngày 04 tháng 5 năm 2021 và sơ đồ xác định diện tích thửa đất ngày 25 tháng 7 năm 2024; sơ đồ xác định diện tích thửa đất ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H.

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, đăng ký diện tích đất đối với phần đất được giao sử dụng theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí sơ thẩm:

4.1. Ông Nguyễn Hoàng A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chung Thị H1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Tuyết P1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.3. Ông Nguyễn Thanh P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo lai thu tiền số 0003039 ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

4.4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B, bà Mai Thị S, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Quốc C, Nguyễn Thị Kỳ D, Trần Kiến H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá: Tổng cộng 4.848.000 đồng mỗi bên chịu 1/2, do ông P tạm ứng trước và đã chi xong nên ông Nguyễn Hoàng A, Chung Thị H1, Nguyễn Thị Tuyết P1 phải nộp 2.424.000 đồng để trả lại cho ông Nguyễn Thanh P. Ông Nguyễn Thanh P phải chịu 2.424.000 đồng.

6. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung: Ông Nguyễn Thanh P phải chịu 300.000 đồng do ông Nguyễn Hoàng A đã tạm ứng và chi xong nên ông Nguyễn Thanh P có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Hoàng A 300.000 đồng.

7. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm

2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

8. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm số 44/2024/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng TT KT và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Hồng Ngự;
- Chi Cục THADS huyện Hồng Ngự;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Trang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên đóng dấu

Lê Hồng Nước